

T, ngày 11 tháng 9 năm 2020

Số: 09/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU MƠ RÔNG, TỈNH KON TUM

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh A Thanh Đ, sinh năm 1994;

Trú tại: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum

- Chị Y L, sinh 1997;

Trú tại: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh A Thanh Đ và chị Y L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum vào ngày 16/9/2015. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên anh A Thanh Đ và chị Y L yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn; Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03/9/2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Anh A Thanh Đ và chị Y L thỏa thuận giao con chung, cháu Y Lê X, sinh ngày 22/10/2016 cho chị Y L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh A Thanh Đ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ ngày 01/9/2020 cho đến khi con chung trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập được là tự nguyện nên được chấp nhận.

[3] *Về tài sản, nợ chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án:* Anh A Thanh Đ và chị Y L đều là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, người yêu

cầu có đơn xin miễn nộp lệ phí nên áp dụng khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để miễn lệ phí ly hôn sơ thẩm cho người yêu cầu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh A Thanh Đ và chị Y L thuận tình ly hôn;
- Về con chung: Ghi nhận thỏa thuận giao con chung, cháu Y Lệ X, sinh ngày 22/10/2016 cho chị Y L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh A Thanh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ ngày 01/9/2020 cho đến khi con chung trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập được.

Áp dụng điều 357 của Bộ luật dân sự, đến thời hạn cấp dưỡng tiền nuôi con, nếu anh A Thanh Đ không cấp dưỡng hoặc cấp dưỡng không đủ số tiền nuôi con đã thỏa thuận, chị Y L có đơn yêu cầu thi hành án thì anh Đ còn phải trả lãi với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng theo lãi suất quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh A Thanh Đ và chị Y L được miễn nộp lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THA DS huyện T;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Bình Thanh